TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MINH** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HS-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Đức Bách, ông Lý A Tỏn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lâm Thái Hùng là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 13/2021/TLST-HS ngày 26/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HS ngày 16/8/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1996, tại xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 và bà Phan Thị T, sinh năm 1974; vợ: Vàng Thị T, sinh năm 1997, con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/01/2021 đến ngày 06/02/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

2. Sỹ Văn L, tên gọi khác: Sí Văn L, sinh năm 1987, tại xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn K, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Hán; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sỹ Dần S (đã chết) và bà Ly Thị C, sinh năm 1959; vợ: Hầu Thị L, sinh năm 1996, con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 24/2008/HSST, ngày 18/4/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, tuyên phạt Sỹ Văn L (Sí Văn L) 08 năm tù về tội "Mua bán phụ nữ", hiện đã được xóa án tích; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Văn N, sinh năm 1988, tại xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình

độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1960; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1986, con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Sỹ Văn L:* Bà Lục Thùy L, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Vàng Thị T, sinh năm 1997; trú tại: Thôn Ci, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào hồi 16 giờ 25 phút ngày 28/01/2021, tổ công tác Công an huyện Yên Minh phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn T sinh năm 1996, trú tại thôn C, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda dream mang biển kiểm soát (BKS): 23M1-035.03, chở theo một thùng cát tông bên trong chứa 03 hộp hình vuông kích thước (26x27x20)cm (nghi là pháo nổ). Qua đấu tranh làm rõ Nguyễn Văn T khai nhận 03 hộp trên là pháo nổ *(qua cân tịnh 03 hộp pháo trên có tổng khối lượng là 5,4kg)*. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật liên quan. Quá trình điều tra Nguyễn Văn T khai nhận như sau: Vào khoảng tháng 12/2020, bị cáo Nguyễn Văn N đến sửa xe máy tại quán của T tại đây T đã khởi xướng bàn bạc thống nhất với N về việc mua pháo về bán lấy tiền chia nhau. Sau đó T đã liên hệ với Sỹ Văn L bàn bạc với nhau tại quán của T và thống nhất là L sẽ bán pháo nổ (loại pháo 36 ống) cho T với giá là 350.000 đồng/01 hộp, khi nào T có nhu cầu mua thì sẽ liên hệ với L, T báo với N đã có chỗ mua pháo nổ (loại 36 ống) với giá 400.000 đồng/01 hộp.

Khoảng tháng 01/2021 T đã một mình đi xe mô tô, BKS: 23M1-035.03 đi lên chợ xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang mua của người đàn ông dân tộc 02 hộp pháo loại 100 ống và 07 hộp loại pháo 49 ống với số tiền 1.000.000 đồng, T đem số pháo nổ trên về nhà mình.

Sau khi bàn bạc với T thì Sỹ Văn L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, BKS: 22H5-1481 đến mốc biên giới 359 thuộc thôn Xín Chải, xã Phú Lũng mua được của người đàn ông ở bên Trung Quốc 05 hộp (loại pháo 36 ống) với giá 280.000 đồng/01 hộp đem về nhà mình cất giấu.

Đối với Nguyễn Văn N sau khi bàn bạc với T khoảng tháng 01/2021, có một người đàn ông ở Tuyên Quang gọi điện cho N để mua 05 hộp pháo (loại pháo 36 ống). N đã gọi điện thông báo cho T để mua pháo về bán. Sau đó, (không rõ ngày tháng cụ thể) T đã gọi điện cho N và một mình đi xe mô tô BKS: 23M1-035.03 đến nhà L để mua 05 hộp pháo. T đưa cho L số tiền 2.000.000 đồng và chở 05 hộp pháo

đựng bằng hộp cát tông lên đoạn đường thuộc thôn Bó Mới, xã Đông Minh, huyện Yên Minh để đưa pháo cho N đem đi bán. Sau khi nhận được 05 hộp pháo T đưa cho, N đã một mình đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 23M1-152.56 chở theo 05 hộp pháo trên đi đến đoạn đường thuộc thôn Bản Xương, xã Đông Minh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang bán 05 hộp pháo trên cho một người đàn ông (không rõ tên tuổi địa chỉ) với giá 600.000 đồng/01 hộp, được 3.000.000 đồng. Đến ngày hôm sau, Nhung đến nhà T để chia tiền bán pháo, sau khi trừ tiền mua pháo. T lấy 350.000 đồng còn 400.000 đồng thì đưa cho N. Khoảng 01 tuần sau đó thì T đưa cho L số tiền là: 3.000.000 đồng để mua pháo nổ, hôm sau, L liên hệ với người đàn ông ở Trung Quốc mua được 05 hộp pháo nổ (loại pháo 36 ống), khoảng vài ngày sau L tiếp tục liên hệ và mua được của người đàn ông Trung Quốc 11 hộp pháo (loại pháo 36 ống) đem về nhà cất giữ. Sau đó một thời gian T đến nhà L và mua 16 hộp pháo đưa cho L 3.000.000 đồng, số tiền còn thừa là 650.000 đồng, T bảo L giữ lại khi nào T mua pháo tiếp thì sẽ lấy số tiền trên trả. T chở số pháo trên về để ở quán, vài ngày sau, có một người đàn ông gọi điện cho N đặt mua 05 hộp pháo (loại pháo 36 ống), N thống nhất với người này là giá 600.000 đồng/01 hộp. Rồi N gọi điện thông báo cho T biết. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày T chở 05 hộp pháo lên đoạn đường thuộc thôn Bó Mới, xã Đông Minh, huyện Yên Minh cho N. Sau khi nhận được pháo N một mình đi xe mô tô BKS: 23M1-152.56 chở theo 05 hộp pháo đến đoạn đường thuộc thôn Bản Xương, xã Đông Minh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang bán 05 hộp pháo trên cho một người đàn ông (không rõ tên tuổi địa chỉ) được 3.000.000 đồng. Đến ngày hôm sau N đem tiền bán pháo được về quán của T hai người chia nhau. Sau khi trừ tiền mua pháo thì T lấy 380.000 đồng, còn N được 370.000 đồng. Được vài ngày sau, người đàn ông mua pháo lại gọi điện cho N hỏi mua 10 hộp pháo nổ (loại pháo 36 ống). Sau đó, N gọi điện cho T biết và bảo chở lên vị trí lần trước cho N. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày T một mình đi xe mô tô, BKS: 23M1- 035.03 chở 10 hộp pháo nổ lên đoạn đường thuộc thôn Bó Mới, xã Đông Minh, huyện Yên Minh thì gặp N đi xe mô tô BKS: 23M1-152.56 đến. Rồi T và N cùng nhau đi đến đoạn đường thuộc thôn Bản Xương, xã Đông Minh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang gặp người mua pháo là hai người đàn ông (không biết tên tuổi địa chỉ). Hai người này lấy lý do đường xa và hàng cồng kềnh nên chỉ mua 04 hộp pháo và trả tiền cho N và T là 2.400.000 đồng. Sau đó, T đi về trước, còn 06 hộp pháo nổ N đem cất giấu ở bên cạnh đường và đi về nhà. Khi về đến nhà thì người đàn ông mua pháo gọi điện cho N mua thêm 02 hộp pháo nữa với giá 550.000 đồng/01 hộp. Đến sáng hôm sau N quay lại vị trí bán pháo tối hôm trước và lấy 02 hộp pháo bán cho người đàn ông này, được số tiền là 1.100.000 đồng. Sau đó, N chở 04 (bốn) hộp pháo nổ còn lại và đem số tiền bán pháo xuống quán của T đưa cho T. Sau khi trừ tiền mua pháo, T và N chia nhau mỗi người được 400.000 đồng tiền bán pháo.

Trước khi cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, Nguyễn Văn T đã tự nguyện giao nộp 04 hộp pháo nổ và chỉ nơi cất giấu 05 hộp pháo cùng 01 quả pháo nổ hình trụ có tổng khối lượng là 28,421Kg. Quá trình khám xét tại quán của Nguyễn Văn Ttại thôn P, xã M, huyện Y, đã phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Vàng Thị T là vợ của bị cáo T và Đặng Thanh C, sinh năm 2006, trú tại thôn P, xã M đang có hành vi bê 01 chậu nhựa, đựng bao dứa bên trong có 02 hộp nghi là pháo nổ *(qua cân tịnh có khối lượng là 3,6kg)*.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Sỹ Văn L. Kết quả khám xét không phát hiện và thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Nguyễn Văn N. Kết quả khám xét không phát hiện và thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Ngày 29/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Minh tiến hành mở niêm phong và cân tịnh số đồ vật thu giữ trên (nghi là pháo nổ). Kết quả tổng khối lượng cân tịnh được là: 37,421 kg *(Ba mươi bảy phẩy bốn trăm hai mươi mốt kilogam)*.

Ngày 01/02/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Minh ra Quyết định trưng cầu giám định số: 12/QĐ, trưng cầu giám định Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang trưng cầu giám định đối với số mẫu vật nghi là pháo nổ trên. Ngày 05/02/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang ra Bản kết luận giám định số: 94/KL-PC09, kết luận: Các mẫu vật gửi giám định là Pháo nổ (Pháo hoa nổ).

Tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKS-YM ngày 25/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Sỹ Văn L, Nguyễn Văn N về tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Sỹ Văn L và Nguyễn Văn N phạm "Tội buôn bán hàng cấm".

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS năm 2015, đề nghi HĐXX tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã M , huyện Y, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS năm 2015, đề nghi HĐXX tuyên phạt:

+ Bị cáo Sỹ Văn L từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng. Giao bị cáo Sỹ Văn L cho UBND xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

+ Bị cáo Nguyễn Văn N từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng. Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho UBND xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về Hình phạt bổ sung: Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 190 của BLHS năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; khoản 2; điểm a khoản 3 điều 106 của BLTTHS năm 2015 đề nghị HĐXX tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ Tiền Việt Nam trị giá 650.000 đồng.

+ 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung, màu vàng đồng, đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Oppo A5s, màu đen, số IMEI 1: 868683047764836; IMEI 2: 868683047764828, mặt kính đã vỡ, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: Pháo nổ (pháo hoa nổ) có khối lượng 37,421kg *(Ba mươi bảy phẩy bốn trăm hai mươi mốt kilogam)*. Số pháo nổ trên đã trích mẫu vật gửi đi giám định không hoàn lại là 12,821kg. Hiện nay khối lượng pháo nổ còn lại là: 24,6kg *(Hai mươi bốn phẩy sáu kilogam)* đang được bảo quản tại kho vật chứng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Giang; 01 chậu nhựa màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 bao tải dứa màu cam, đã qua sử dụng;

Trả lại số tài sản đang tạm giữ của các bị cáo gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 23M1-035.03, xe đã qua sử dụng; 01 xe máy nhãn hiệu Ware, BKS: 22H5-1481 màu xanh, ốp đầu xe màu đỏ, xe không có yếm, đã qua sử dụng; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ đen bạc; BKS: 23M1-152.56, đã qua sử dụng.

Về án phí: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu và không tranh luận chỉ xin giảm nhẹ hình phạt;

Người bào chữa cho bị cáo Sỹ Văn L cũng đồng tình nhất trí với nội dung bản cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng mức hình phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng.

Kiểm sát viên có quan điểm bị cáo, người bào chữa không tranh luận đối đáp mà đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát chỉ xin giảm nhẹ hình phạt điều đó khẳng định Cáo trạng truy tố bị cáo ra trước Tòa án là có căn cứ đúng người đúng tội, đúng pháp luật, Viện kiểm sát không có tranh luận đối đáp.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sơ xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đều được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đều hợp pháp; Về tính hợp pháp của các chứng cứ tài liệu do Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng cung cấp đều được đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử. Do đó Các chứng cứ tài liệu do Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng cung cấp đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Vàng Thị T, tuy nhiên đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết liên quan đến quyền lợi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án như lời khai của chị T trong giai đoạn điều tra; xét thấy việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn T, Sỹ Văn L, Nguyễn Văn N đã khai nhận Nguyễn Văn T đã chủ động khởi xướng, rủ rê Sỹ Văn L, Nguyễn Văn N và tự mình thực hiện hành vi phạm tội buôn bán hàng cấm là pháo nổ với tổng khối lượng pháo thu giữ được là 37,421 kilôgam; Sỹ Văn L, Nguyễn Văn N sau khi được Tuấn rủ rê đã cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội buôn bán hàng cấm là pháo nổ; trong đó, Sỹ Văn L tham gia buôn bán 05 hộp pháo loại 36 ống thu giữ được có khối lượng 09 kilôgam; Nguyễn Văn Nhung tham gia buôn bán 04 hộp pháo loại 36 ống thu giữ được có khối lượng 7,2 kilôgam.

[4] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng trong vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập và lưu trong hồ sơ vụ án... Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích nhằm để thu lợi bất chính, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2020 đến ngày 28/01/2021, tại địa bàn huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang và xã Sà Phìn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang; Nguyễn Văn T đã chủ động khởi xứng, rủ rê Sỹ Văn L, Nguyễn Văn N và tự mình thực hiện hành vi phạm tội buôn bán hàng cấm là pháo nổ (pháo hoa nổ) với tổng khối lượng pháo thu giữ được là 37,421 kilôgam *(trong đó: 03 hộp pháo loại 36 ống thu giữ khi bắt quả tang có khối lượng là 5,4 kilôgam, 02 hộp pháo loại 100 ống và 07 hộp pháo loại 49 ống thu giữ khi khám xét nhà T tại thôn Ci, xã M, huyện Y có khối lượng là 28,421 kilôgam, 02 hộp pháo loại 36 ống thu giữ khi khám xét tại quán bán hàng của T tại thôn P, xã M, huyện Y có khối lượng là 3,6 kilôgam);* Còn Sỹ Văn L, Nguyễn Văn N sau khi được T rủ rê đã cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội buôn bán hàng cấm là pháo nổ (pháo hoa nổ); trong đó, Sỹ Văn L tham gia buôn bán

05 hộp pháo loại 36 ống thu giữ được có khối lượng 09 kilôgam; Nguyễn Văn N tham gia buôn bán 04 hộp pháo loại 36 ống thu giữ được có khối lượng 7,2 kilôgam.

[5] Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn T, Sỹ Văn L, Nguyễn Văn N đã xâm phạm đến chế độ quản lý Nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và lưu thông hàng hóa, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết xã hội nhất định nên có thể nhận thức được hành vi buôn bán, vận chuyển tàng trữ hàng cấm đều bị pháp luật xử lý, nhưng vì hám lợi nên các bị cáo đã buôn bán với số lượng pháo nổ (pháo hoa nổ) thu giữ được là 37,421 kilôgam, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự 2015.

[6] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến dư luận quần chúng nhân dân ...do vậy cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án nghiêm khắc, tuy nhiên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho các bị cáo được hưởng án treo cũng là biện pháp giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Vai trò hành vi phạm tội: Các bị cáo phạm tội không có tổ chức, chỉ là đồng phạm giản đơn, cụ thể: Bị cáo T giữ vai trò là người chủ mưu, khởi xướng đồng thời trực tiếp tham gia thực hiện tội phạm; còn các bị cáo Sỹ Văn L, Nguyễn Văn N giữ vai trò cùng tham gia thực hiện tội phạm với mức độ khác nhau nên khi lượng hình cần có mức án tương xứng với vai trò của các bị cáo trong vụ án cụ thể bị cáo T có mức hình phạt cao nhất, đến bị cáo L và bị cáo N.

[8] Về tình tiết định khung tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Sỹ Văn L, Nguyễn Văn N đều có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ổn định ở nơi có điều kiện phát triển kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định rõ ràng; các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N có nhân thân tốt phạm tội lần đầu; bị cáo Sỹ Văn L hiện là lao động chính đang phải nuôi 03 con nhỏ vì vợ bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương không xác định được hiện đang ở đâu là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo Nguyễn Văn T đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra thông qua việc tự giác giao nộp và chỉ nơi cất giấu tang vật, cung cấp thông tin, tên, địa chỉ của các đồng phạm giúp cơ quan điều tra phát hiện và điều tra tội phạm nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[10] Về hình phạt bổ sung: Do hiện tại các bị cáo không có công việc, tài sản và thu nhập ổn định, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 190 của Bộ luật Hình sự.

[11] Đối với số lượng 16 hộp pháo đã bán trót lọt, mặc dù các bị cáo Nguyễn Văn T, Sỹ Văn L, Nguyễn Văn N đã khai nhận thành khẩn hành vi mua bán pháo phù hợp với nhau, tuy nhiên cơ quan điều tra chưa xác định được người mua, không thu giữ được khối lượng pháo nên không thể kết luận giám định được chủng loại pháo, do vậy cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra xác minh làm rõ có căn cứ sẽ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[12] Đối với người đàn ông đã bán 21 hộp pháo loại pháo 36 ống cho bị cáo Sỹ Văn L tại khu vực mốc biên giới 359 thuộc thôn Xín Chải, xã Phú Lũng, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang và người đàn ông dân tộc Mông đã bán 02 hộp pháo loại 100 ống và 07 hộp loại pháo 49 ống tại đoạn đường thuộc thôn Pó Sí, xã Lũng Táo, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang cho bị cáo Nguyễn Văn T và những người đã mua pháo với các bị cáo N và T, quá trình điều tra không xác định được là ai, ở đâu do vậy cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xác minh làm rõ, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[13] Đối với Vàng Thị T và Đặng Thanh C, quá trình điều tra xác minh xác định T và C không biết việc bị cáo T đem pháo nổ về nhà và tại quán của mình để cất giữ; việc T nhờ C giúp cùng đem một số đồ vật nhằm đi vứt bỏ những không biết rõ bên trong có chứa 02 hộp pháo loại 36 ống thì bị phát hiện bắt quả tang, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với T và C là có căn cứ.

[14] Đối với Số tiền 4.020.000 đồng *(bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng)*. Trong quá trình điều tra xét thấy không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Minh đã trả lại cho chủ sở hữu Nguyễn Văn T theo Quyết định xử lý vật chứng số 10/QĐ-ĐTTH ngày 19/4/2021 là có căn cứ.

[15] Về vật chứng: Cần áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, để xử lý như sau:

[15.1] Tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng vì không có giá trị sử dụng và là vật, hàng hóa nhà nước cấm gồm: Pháo nổ (pháo hoa nổ) có khối lượng 37,421kg *(Ba mươi bảy phẩy bốn trăm hai mươi mốt kilogam)*. Số pháo nổ trên đã trích mẫu vật gửi đi giám định không hoàn lại là 12,821kg. Hiện nay khối lượng pháo nổ còn lại là: 24,6kg *(Hai mươi bốn phẩy sáu kilogam)* đang được bảo quản tại kho vật chứng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Giang, giao cho Công an huyện Yên Minh xử lý theo thẩm quyền; 01 chậu nhựa màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 bao tải dứa màu cam, đã qua sử dụng.

[15.2] Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với vật chứng do các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện để liên lạc trong quá trình buôn bán pháo và số tiền do buôn bán pháo mà có gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu vàng đồng, đã qua sử dụng

của bị cáo Nguyễn Văn T ; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Oppo A5s, màu đen, số IMEI 1: 868683047764836; IMEI 2: 868683047764828, mặt kính đã vỡ, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn N; Tiền Việt Nam trị giá 650.000 đồng *(sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* thu giữ của bị cáo Sỹ Văn L.

[15.3] Trả lại tài sản cho chủ sở hữu vì chủ sở hữu tài sản không biết bị cáo sử dụng phương tiện vào mục đích phạm tội và các phương tiện không liên quan đến hành vi phạm tội gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 23M1-035.03, xe đã qua sử dụng của vợ bị cáo Nguyễn Văn T; 01 xe máy nhãn hiệu Ware, BKS: 22H5-1481 màu xanh, ốp đầu xe màu đỏ, xe không có yếm, đã qua sử dụng của gia đình bị cáo Sỹ Văn L; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ đen bạc; BKS: 23M1-152.56, đã qua sử dụng của gia đình bị cáo Nguyễn Văn N.

[16] Về án phí cần áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000^{đ} án phí hình sự sơ thẩm; cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí đối với bị cáo Sỹ Văn L vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và gia đình của bị cáo thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo của xã, mặt khác đã có đơn xin miễn án phí.

[17] Do vậy, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Sỹ Văn L (Sí Văn L), Nguyễn Văn N phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

2. Về hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 30/8/2021.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Sỹ Văn L (Sí Văn L) 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 30/8/2021.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T, Sỹ Văn L cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y , tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn T, Sỹ Văn L có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang và người được phân công trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 17 (mười bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 34 (ba mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 30/8/2021.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Ng cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn N có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang và người được phân công trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy đối với: Pháo nổ (pháo hoa nổ) có khối lượng 24,6kg *(Hai mươi bốn phẩy sáu kilogam)* đang được bảo quản tại kho vật chứng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Giang, đã được niêm phong theo quy định. Giao cho Công an huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang xử lý theo thẩm quyền.

(Tình trạng vật chứng theo Phiếu nhập kho vật chứng số:10/PNK ngày 26/3/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Giang).

Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 chậu nhựa màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 bao tải dứa màu cam, đã qua sử dụng;

Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với: 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung, màu vàng đồng, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Oppo A5s, màu đen, số IMEI 1: 868683047764836; IMEI 2: 868683047764828, mặt kính đã vỡ, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn N; Tiền Việt Nam trị giá 650.000 đồng *(sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* thu giữ của bị cáo Sỹ Văn L.

Trả lại các tài sản gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 23M1-035.03, xe đã qua sử dụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vàng Thị T; Trả lại 01 xe máy nhãn hiệu Ware, BKS: 22H5-1481 màu xanh, ốp đầu xe màu đỏ, xe không có yếm, đã qua sử dụng cho bị cáo Sỹ Văn L; Trả lại 01 xe

máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ đen bạc; BKS: 23M1-152.56, đã qua sử dụng cho bị cáo Nguyễn Văn N.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an huyện Yên Minh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh lập ngày 28/7/2021)

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000^{đ} (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sỹ Văn L.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày niêm yết bản án.

6. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Yên Minh;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Yên Minh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Yên Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạng